

Số: 29 /2007/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2007

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ

Căn cứ khoản 1, Điều 6 Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung và Nghị định số 167/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG.

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Công ty được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, bao gồm:

- Tổng công ty nhà nước;

- Công ty nhà nước độc lập;

- Công ty mẹ là công ty nhà nước trong Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc phê duyệt đề án thành lập và giao cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập;

- Công ty mẹ là công ty nhà nước trong Tổng công ty hoặc công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập 100% vốn Nhà nước thuộc Tập đoàn kinh tế trong thời gian chưa chuyển đổi và đăng ký lại theo quy định tại Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Công ty thành viên hạch toán độc lập 100% vốn Nhà nước thuộc Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập;

b) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và các tổ chức của Nhà nước đang áp dụng chế độ tiền lương như công ty nhà nước.

c) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Các công ty, tổ chức quy định tại điểm a, b và điểm c, khoản 1 mục I Thông tư này được gọi chung là công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty), Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (không bao gồm Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng).

II. THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CHUNG.

1. Mức lương tối thiểu chung thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 166/2007/NĐ-CP là 540.000 đồng/tháng.

2. Công ty căn cứ mức lương tối thiểu chung tại khoản 1 nêu trên và hệ số lương, phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ để tính mức lương, phụ cấp lương làm căn cứ tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tiền lương ngừng việc; nghỉ ngày lễ; nghỉ hàng năm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

Việc tính mức lương và phụ cấp lương được thực hiện như sau: lấy hệ số lương cấp bậc theo chức danh nghề, công việc; hệ số lương chuyên môn, nghiệp vụ; hệ số lương chức vụ được xếp, phụ cấp lương, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) nhân với mức lương tối thiểu chung 540.000 đồng/tháng.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A xếp lương ngạch chuyên viên bậc 5, hệ số 3,58 và hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm mức 0,2, phụ cấp thu hút mức 20% theo quy định tại

Nghị định số 205/2004/NĐ-CP. Việc điều chỉnh mức lương, phụ cấp của ông A được tính như sau:

- Mức lương là: $3,58 \times 540.000$ đồng/tháng = 1.933.200 đồng/tháng
- Mức phụ cấp độc hại, nguy hiểm là: $0,2 \times 540.000$ đồng/tháng = 108.000 đồng/tháng
- Mức phụ cấp thu hút là: $20\% \times (3,58 \times 540.000$ đồng/tháng) = 386.640 đồng/tháng

3. Đối với người lao động dôi dư thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động, nhận trợ cấp mất việc làm theo quy định tại khoản 4, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước, thì trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc trong khu vực nhà nước từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 trở đi và trợ cấp đi tìm việc làm được tính theo mức lương tối thiểu chung 540.000 đồng/tháng. Khi thực hiện các khoản trợ cấp này thì bổ sung thêm các cột tương ứng để tính thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước và tính trợ cấp mất việc làm vào biểu số 9, biểu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2007/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Đối với người lao động dôi dư thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi thì trợ cấp thêm theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ, từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 trở đi được tính theo mức lương tối thiểu 540.000 đồng/tháng.

III. THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG.

1. Mức lương tối thiểu vùng để trả công đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường ở các công ty thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 theo Điều 2 Nghị định số 167/2007/NĐ-CP như sau:

a) Mức 620.000 đồng/tháng áp dụng đối với công ty hoạt động trên địa bàn các quận thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

b) Mức 580.000 đồng/tháng áp dụng đối với công ty hoạt động trên địa bàn các huyện thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; các quận thuộc thành phố Hải Phòng; thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh; thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh, các huyện: Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu và Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai; thị xã Thủ Dầu Một, các huyện: Thuận An, Dĩ An, Bến Cát và Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương; thành phố Vũng Tàu thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

c) Mức 540.000 đồng/tháng áp dụng đối với công ty hoạt động trên các địa bàn còn lại.

2. Đối với công ty có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn vùng nào áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn đó.

3. Công ty nêu tại điểm a và điểm b, khoản 1, mục I Thông tư này áp dụng mức lương tối thiểu vùng để tính đơn giá tiền lương theo khoản 1, Điều 2 Nghị định số 167/2007/NĐ-CP như sau:

a) Công ty bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 206/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và điểm b, khoản 1, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì được áp dụng mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng để tính đơn giá tiền lương, trong đó công ty được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm (K_{dc}) không quá 1,34 lần so với mức lương tối thiểu chung.

Đối với công ty bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 206/2004/NĐ-CP và điểm b, khoản 1, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH và có lợi nhuận kế hoạch cao hơn từ 5% trở lên so với lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm (K_{dc}) không quá 2 lần so với mức lương tối thiểu chung.

b) Căn cứ vào hệ số điều chỉnh tăng thêm so với mức lương tối thiểu chung (K_{dc}) được áp dụng nêu trên, công ty lựa chọn mức lương tối thiểu để tính đơn giá tiền lương (quy định lựa chọn mức lương tối thiểu này thay thế quy định lựa chọn mức lương tối thiểu theo điểm b, khoản 2, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH) trong khung mức tiền lương tối thiểu quy định như sau:

- Mức lương tối thiểu lựa chọn thấp nhất bằng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định ($TL_{minvùng}$).

Trường hợp công ty có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì tính bình quân gia quyền mức lương tối thiểu vùng và số lao động của các địa bàn đó.

- Mức lương tối thiểu lựa chọn cao nhất: $TL_{max} = TL_{min} (1 + K_{dc})$, trong đó:

+ TL_{min} : Mức lương tối thiểu chung.

+ K_{dc} : Hệ số điều chỉnh tăng thêm so với mức lương tối thiểu chung theo điểm a, khoản 3, mục I Thông tư này, với:

$$\left[\frac{TL_{\min\text{vùng}}}{TL_{\min}} - 1 \right] < K_{dc} \leq 1,34 \text{ hoặc } 2$$

Căn cứ vào khung mức tiền lương tối thiểu từ $TL_{\min\text{vùng}}$ đến TL_{\max} , công ty có thể chọn bất cứ mức lương tối thiểu nào thuộc khung này khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện quy định tại điểm a, khoản 3, mục I Thông tư này để tính đơn giá tiền lương.

4. Công ty nêu tại điểm c khoản 1, mục I Thông tư này áp dụng mức lương tối thiểu thấp nhất bằng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định để tính đơn giá tiền lương. Trường hợp bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định số 86/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ và khoản 2.1, phần A, mục III Thông tư số 15/2007/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì được áp dụng cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định (không hạn chế mức tối đa).

5. Mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định ($TL_{\min\text{vùng}}$) thay thế mức lương tối thiểu chung (TL_{\min}) dùng để xác định quỹ tiền lương của công ty như sau:

a) Xác định quỹ tiền lương chế độ (V_{cd}), quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương theo quy định tại điểm a, khoản 4, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005; điểm a, khoản 2.4, phần A, mục III Thông tư số 15/2007/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Ví dụ 2: Theo quy định tại điểm a, khoản 4, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH: “Quỹ tiền lương chế độ (V_{cd}), được xác định bằng số lao động định mức nhân với hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân, hệ số phụ cấp lương bình quân và mức lương tối thiểu chung” thì nay được điều chỉnh như sau “quỹ tiền lương chế độ (V_{cd}), được xác định bằng số lao động định mức nhân với hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân, hệ số phụ cấp lương bình quân và mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định”.

b) Xác định quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương chế độ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty), Tổng giám đốc, Giám đốc công ty không có lợi nhuận hoặc lỗ theo quy định tại điểm b, khoản 1, điểm b, d, đ, khoản 2, mục III Thông tư số 08/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 và điểm b, khoản 2.1, điểm b, d, đ, khoản 2.2, phần B, mục III Thông tư số 15/2007/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

6. Căn cứ mức lương tối thiểu vùng quy định tại khoản 1, mục III Thông tư này, công ty rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế trả lương, bảo đảm tiền lương trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ trong Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra các công ty thực hiện theo đúng quy định của Thông tư này.

2. Kinh phí thực hiện mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng quy định tại Thông tư này do công ty bảo đảm và được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh.

3. Khi thực hiện mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng quy định tại Thông tư này thì mức tiền chi cho bữa ăn giữa ca tính theo số ngày công chế độ trong tháng đối với công nhân, nhân viên, viên chức làm việc trong công ty quy định tại Thông tư số 15/1999/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 6 năm 1999 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, không được vượt quá 450.000 đồng/tháng.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

Bãi bỏ Thông tư số 12/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 19 năm 2006 hướng dẫn thực hiện điều chỉnh tiền lương và phụ cấp lương theo Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các công ty phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết. /

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc CP;
- UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW các đoàn thể và các Hội;
- Sở Tài chính tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ LĐTBXH;
- Các Tập đoàn kinh tế;
- Đảng Công báo;
- Lưu VP, Vụ TLTC Bộ LĐTBXH.



Huỳnh Thị Nhân